

Biểu mẫu 09
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG MỸ

THÔNG BÁO

**Cam kết chất lượng giáo dục của Trường THPT Đông Mỹ
năm học 2024 - 2025**

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	<p>- Học sinh tốt nghiệp THCS, trong độ tuổi tuyển sinh vào lớp 10 theo quy định của Sở GDĐT Hà Nội; Học sinh (hoặc bố, hoặc mẹ học sinh) có hộ khẩu thường trú tại Hà Nội.</p> <p>- Tham gia kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT do Sở GDĐT Hà Nội tổ chức và phải đạt điểm chuẩn vào trường.</p>	<p>- Học sinh đã hoàn thành chương trình học lớp 10, được lên lớp 11 đang học tại trường hoặc đủ điều kiện chuyển về trường.</p>	<p>- Học sinh đã hoàn thành chương trình học khối 11, được lên lớp 12 đang học tại trường hoặc đủ điều kiện chuyển về trường.</p>
II	Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện	<p>- Thực hiện chương trình giáo dục theo quy định của Bộ GDĐT và hướng dẫn của Sở GDĐT Hà Nội: học theo Chương trình GDPPT 2018.</p> <p>a. Các môn học và giáo dục bắt buộc: Ngữ văn, Toán, Ngoại ngữ 1, Lịch sử, Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng- an ninh, Hoạt động trải nghiệm hướng nghiệp, Nội dung giáo dục địa phương.</p> <p>b. Các môn học tự chọn: Vật lý, Hóa học, Sinh học, Địa lý, Giáo dục Kinh tế và Pháp luật, Công nghệ, Tin học. Học sinh chọn 4 môn trong tổng số các môn học tự chọn theo tổ hợp nhà trường sắp xếp.</p> <p>c. Các chuyên đề lựa chọn: Toán -Vật lý - Hóa học; Toán – Ngữ văn – Lịch sử; Toán – Ngữ văn – Địa lý.</p>		
III	Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình;	<p>- Nhà trường và gia đình có quy chế phối hợp chặt chẽ trong việc quản lý, giáo dục toàn diện học sinh. Duy trì thường xuyên thông tin liên lạc hai chiều giữa nhà trường và gia đình. Ban đại diện CMHS hoạt động theo Điều lệ Ban đại diện CMHS (ban hành theo Thông tư số</p>		



	Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh	<p>55/2011/TT-BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ GDĐT) và các quy định hiện hành. Ban đại diện CMHS học sinh trường, lớp và toàn thể CMHS họp 3 lần/năm. Ban đại diện trường, lớp có đủ thành phần, cơ cấu theo quy định.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Học sinh có thái độ học tập đúng đắn, chấp hành đầy đủ nội quy nhà trường. Mọi học sinh phải thực hiện tốt nội quy, quy định trong Điều lệ trường THPT, học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. - Tích cực, chủ động học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao. 		
IV	Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục	<ul style="list-style-type: none"> - Học sinh được kết nạp Đoàn viên, kết nạp Đảng viên (nếu đủ tiêu chuẩn) - Học sinh được tham gia vào các hoạt động truyền thống, các hoạt động xã hội. - Được tham gia các phong trào văn hóa, văn nghệ, TDTT. Được hỗ trợ kinh phí hoạt động từ các nguồn đóng góp, Ban đại diện CMHS, kinh phí nhà trường. - Được giao lưu học hỏi giữa các lớp trong trường và giữa các trường trên địa bàn. - Học sinh được tham gia các hội thi, cuộc thi về tìm hiểu pháp luật, văn hóa, văn nghệ, TDTT, giáo dục QP-AN; được tham gia các hoạt động ngoại khóa nhân các ngày lễ lớn trong năm (20/11, 22/12, 26/3, 19/5,...). - Xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực, cảnh quang môi trường sư phạm mẫu mực (xanh, sạch, đẹp). 		
V	Kết quả năng lực, phẩm chất, học tập và sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được	<ul style="list-style-type: none"> - Đạo đức học sinh : 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. - Học tập: Mọi học sinh, cuối năm học đạt kiến thức, kỹ năng tối thiểu trở lên. Phần đầu trên 96% lên lớp thẳng. - Sức khỏe: Chăm sóc tốt vệ sinh sức khỏe học đường, khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn, dịch bệnh và các tệ nạn trong học sinh. 		
VI	Khả năng học tập tiếp tục của học sinh	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 99%. - Duy trì nền nếp và sĩ số 	<ul style="list-style-type: none"> - Tỷ lệ lên lớp thẳng trên 99%. - Duy trì nền nếp và sĩ 	<ul style="list-style-type: none"> - 100% HS đủ điều kiện dự thi THPT QG - Tỷ lệ tốt nghiệp



		ổn định.	số ổn định.	THPT trên 99%. - Học sinh có đủ điều kiện cơ bản để theo học các trường Đại học, Cao đẳng, Trung cấp.
--	--	----------	-------------	--

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Nguyễn Thị Thu Nga



Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG MỸ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế
của Trường THPT Đông Mỹ năm học 2022- 2023

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	1543	518	618	407
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)		494 (95.4%)	589 (95.3%)	395 (97.1%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		24 (4.63%)	29 (4.69%)	12 (2.95%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực		518	618	407
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		182 (35.1%)	255 (41.3%)	271 (66.6%)
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		321 (62%)	337 (54.5%)	136 (33.4%)
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)		15 (2.9%)	26 (4.21%)	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm		518	618	407
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)		518 (100%)	618 (100%)	407 (100%)
a	Học sinh xuất sắc (tỷ lệ so với tổng số)		5 (0.97%)		
b	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		175 (33.78%)	254 (41.1%)	269 (66.09%)
c	Học sinh tiên tiến			338	138



	(tỷ lệ so với tổng số)			(54.69%)	(33.94%)
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)				
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi				
1	Cấp huyện				
2	Cấp tỉnh/thành phố				9
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp				407
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp				407
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)				
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)				388 (76.5%)
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ				
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số				



Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG
TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
ĐÔNG MY
 Nguyễn Thị Thu Nga

Biểu mẫu 11**SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG MỸ****THÔNG BÁO****Công khai thông tin cơ sở vật chất
của Trường THPT Đông Mỹ năm học 2023 - 2024**

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	18	Số m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	18	-
2	Phòng học bán kiên cố	Không	-
3	Phòng học tạm	Không	-
4	Phòng học nhờ	Không	-
5	Số phòng học bộ môn	11	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	Không	-
7	Bình quân lớp/phòng học	2/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	43.3/1	-
III	Số điểm trường	Một	-
IV	Tổng số diện tích đất (m ²)	33.532m ²	21,5/1
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m ²)	21.840.5m ²	14/1
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	63m ²	1,5/1
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	63m ²	1,5/1
3	Diện tích thư viện (m ²)	31,5m ²	0,05/1
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	565m ²	0,4/1
5	Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m ²)	23,5m ²	0,02/1
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	06	Số bộ/lớp



1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 12	02	
1.2	Khối lớp 11	02	
1.3	Khối lớp 10	02	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 12	Không	
2.2	Khối lớp 11	Không	
2.3	Khối lớp 10	Không	
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lý (diện tích/thiết bị)	Không	
4	...		
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	78	20/bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	5	5/36
2	Cát xét	4	4/36
3	Đầu Video/dầu đĩa	3	3/36
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	38	42/36
5	ôn áp	1	
6	Máy phát điện	1	
7	Đàn ghi ta	1	
8	Trống điện	1	
9	Máy ảnh	2	
10	Máy quay	2	
11	Hệ thống âm thanh lớp học	18	18/36



	Nội dung	Số lượng (m ²)
X	Nhà bếp	Không
XI	Nhà ăn	Không

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
--	----------	--	--------	-------------------------

XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	Không		
XIII	Khu nội trú	Không		

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên		Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh
		Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	6		4/4		0.2m ² /1
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	Có	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	Có	
XVII	Kết nối internet	Có	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	Có	
XIX	Tường rào xây	Có	

Hà Nội, ngày 26 tháng 01 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Thu Nga

Biểu mẫu 12
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI
TRƯỜNG THPT ĐÔNG MỸ

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên
của Trường THPT Đông Mỹ năm học 2023- 2024**

ST T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo					Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp				
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
ST T	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	58													
I	Giáo viên Trong đó số giáo viên dạy môn:	49													
1	Toán	9		6	3				6	3			9		
	Lý	3		2	1				3				3		
	Hóa	4		3	1				2	2			4		
	Sinh	3		1	2				3				3		
	CNCN	1			1				1				1		
	CNNN	1			1				1				1		
2	Ngữ văn	9		7	2				5	4			9		
3	Lịch sử	3		2	1				3				3		
4	Địa lý	2		1	1				2				2		
5	Tiếng Anh	6		2	4				5	1			6		
6	GDCD	2		1	1				2				2		
7	GDTC	2			2				2				2		
8	Tin học	3			3				2	1			3		



9	GDQPA N	1			1			1			1		
II													
Cán bộ quản lý													
1	Hiệu trưởng	1		1			1		1			1	
2	Phó Hiệu trưởng	2		2			2		2			2	
III													
Nhân viên													
1	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	1			1								
2	Nhân viên Văn phòng	1				1							
3	Nhân viên Thư viện	1				1							
4	Nhân viên bảo vệ	2					2						
5	Nhân viên phục vụ	1					1						

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2024



Hiệu trưởng
Nguyễn Thị Thu Nga